TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN HỒNG NGỰ** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HS-ST
Ngày: 20-01-2022

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG NGỰ, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Nông Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Tấn Dũng.

Ông Nguyễn Tuấn Lam.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồ Thị Y Phụng, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 59/2021/TLST-HS ngày 07 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 61/2021/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 10 năm 2021, đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn Hữu T, sinh ngày 06 tháng 4 năm 1998, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn H và bà Trần Thị U (chết); Vợ, con: Chưa có; Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần (theo Quyết định Áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 73/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, với thời hạn 03 tháng, chấp hành xong ngày 25 tháng 8 năm 2021); Tạm giữ, tạm giam: Không; Có mặt.

Người bào chữa cho bị cáo: Ông Lê Văn L là Luật sư ký hợp đồng thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Đồng Tháp; Có văn bản xin vắng mặt.

2. Mai Văn Hữu H1, sinh ngày 18 tháng 4 năm 1999, tại Đồng Tháp; Nơi cư trú: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp; Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Mai Văn T1 và bà Ngô Thị Đ; Có vợ, chưa có con (tại phiên tòa khai, chung sống như vợ chồng với người khác chưa đăng ký kết hôn); Tiền án: Không; Tiền sự: 01 lần (theo Quyết định Áp dụng biện pháp giáo dục tại xã số 74/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp, với thời hạn 03 tháng, chấp hành xong ngày 25 tháng 8 năm 2021); Tạm giữ, tạm giam: Không; Có mặt.

- *Bị hại*: Ngô Phước N, sinh ngày 07 tháng 10 năm 1987; Nơi cư trú: Ấp 1, xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người tham gia tố tụng khác*: Người làm chứng Ngô Minh K, Đặng Thị N1, Trương Thị N2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có mâu thuẫn từ trước nên khoảng 12 giờ 30 ngày 24 tháng 4 năm 2021, Nguyễn Văn Hữu T đến nhà anh Ngô Phước N chửi và rủ đánh nhau. Lúc này, N dùng cây gậy ba khúc bằng kim loại rượt đánh, T bỏ chạy. Sau đó, T về lấy hai con dao bằng kim loại có cán màu vàng rồi đến nhà của Mai Văn Hữu H1, rủ H1 cùng quay lại tìm N đánh nhau. H1 đồng ý và mang theo trong người một cái nạn thun bắn đạn bi. Trên đường đi, T đưa H1 một con dao. Khi đến trước nhà N, T và H1 rút hai con dao từ trong người ra để đánh nhau, còn N thì cầm gậy ba khúc bằng kim loại. Trong lúc hai bên cự cải qua lại thì H1 đưa con dao của mình lại cho T, lấy cái nạn thun bắn đạn bi từ trong người ra bắn một cái trúng vào vùng mũi của anh N làm chảy nhiều máu, rồi lên xe bỏ về. Anh N được người nhà đưa đi điều trị vết thương, đến ngày 26 tháng 4 năm 2021, làm đơn yêu cầu xử lý hình sự người gây thương tích cho mình.

Vật chứng thu giữ: 01 cái nạn thun bằng kim loại trên thân có quấn dây xanh và đỏ; 01 viên bi bằng kim loại; 02 con dao cán vàng bằng kim loại; 01 cây gậy ba khúc bằng kim loại có ốp nhựa màu đen.

Tại Bản kết luận giám định pháp y về thương tích số 201/TgT ngày 26/5/2021 của Trung tâm Pháp y tỉnh Đồng Tháp:

Dấu hiệu chính qua giám định: Sẹo vết thương phần mềm vùng chính giữa mũi, kích thước nhỏ.

Kết luận: Căn cứ Bảng tỷ lệ tổn thương cơ thể ban hành kèm Thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần tram tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần, tỷ lệ tổn thương cơ thể của Ngô Phước N do thương tích gây nên hiện tại là: 03% (Ba phần trăm) tại thời điểm giám định. Theo nguyên tác cộng lùi tại Thông tư (khi có từ hai tỷ lệ tổn thương trở lên).

Kết luận khác: Tổn thương trên do vật tày gây ra; Chiều hướng tác động do ngoại lực tác động trực diện từ ngoài vào trong.

Về trách nhiệm dân sự: Tại biên bản về việc các đương sự tự thỏa thuận ngày 13 tháng 8 năm 2021, Nguyễn Văn Hữu T và Mai Văn Hữu H1 đã thống nhất bồi thường tiền chi phí thuốc men điều trị vết thương và các khoản chi phí khác cho bị hại Ngô Phước N với tổng số tiền là 2.370.000 đồng, nhưng chưa bồi thường.

Tại Cáo trạng số 55/CT-VKSHN ngày 04 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp; luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 17, điểm i và s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, tuyên bố các bị cáo phạm "Tội cố ý gây thương tích", xử phạt mỗi bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù. Về vật chứng: Căn cứ 106 Bộ luật tố tụng Hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên tịch thu, tiêu hủy: 01 (một) cái nạn thun bằng kim loại trên thân có quấn dây màu xanh và đỏ; 01 (một) viên bi bằng kim loại; 02 (hai) con dao cán vàng bằng kim loại; 01 (một) cây gậy ba khúc bằng kim loại có ốp nhựa màu đen. Về dân sự: Công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo và bị hại tại phiên tòa.

Người bào chữa của bị cáo Nguyễn Văn Hữu T có văn bản đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Cả hai bị cáo đều không có ý kiến bào chữa, tranh luận, chỉ nói lời sau cùng: Biết lỗi, xin giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại Ngô Phước N không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp, Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị

cáo khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với quy định của pháp luật. Các bị cáo và người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi của mình như nội dung Cáo trạng, phù hợp với lời khai tại Cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án, chứng minh được:

[3] Cả 02 bị cáo Nguyễn Văn Hữu T và Mai Văn Hữu H1 đều có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự.

[4] Các bị cáo đã có hành vi cùng nhau gây ra thương tích cho bị hại N với tỷ lệ 03%, trong đó vai trò của từng bị cáo như sau: Chỉ vì có mâu thuẫn trước với anh N mà bị cáo T khởi xướng đánh nhau, chuẩn bị sẵn 02 con dao bằng kim loại và rủ H1 cùng tìm N đánh nhau, đưa cho H1 01 con dao, đã chủ động kêu H1 dùng nạn thun bắn anh N. Đối với bị cáo H1, lẽ ra khi bị cáo T rủ đi đánh anh N thì bị cáo phải can ngăn, hòa giải, nhưng bị cáo lại chuẩn bị hung khí là 01 cái nạn thun bắn đạn bi và đã thực hiện hành vi gây thương tích từ cái nạn thun bắn đạn bi. Do vậy, đã đủ căn cứ kết luận các bị cáo T và H1 là đồng phạm, phạm "Tội cố ý gây thương tích" theo điểm a khoản 1 Điều 134, khoản 1 Điều 17 của Bộ luật Hình sự, quy định:

"Điều 134 Tội cố ý gây thương tích

1. Người nào cố ý gây thương tích hoặc gây tổn hại cho sức khỏe của người khác mà tỷ lệ tổn thương cơ thể từ 11% đến 30% hoặc dưới 11% nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Dùng ... hung khí nguy hiểm…

Điều 17. Đồng phạm

1. Đồng phạm là trường hợp có hai người trở lên cố ý cùng thực hiện một tội phạm…"

[5] Như vậy, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo T và H1 là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[6] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo: Các bị cáo có lỗi cố ý trực tiếp và đã thực hiện tội phạm hoàn thành; các bị cáo là đồng phạm giản đơn, nhất thời, không có sự phân công vai trò cụ thể. Trong đó, chủ mưu rủ rê là bị cáo T, người thực hành là bị cáo H1.

[7] Sức khỏe, tính mạng là vốn quý báu của con người, vì nó trực tiếp làm ra của cải vật chất cho gia đình và xã hội, mọi hành vi xâm hại đến sức khỏe, tính mạng đều phải bị pháp luật xử phạt một cách thích đáng, có như thế mới thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Các bị cáo nhận thức được hành vi cố ý gây thương tích cho người khác là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, trực tiếp xâm phạm, gây tổn thương cơ thể của người khác được pháp luật bảo vệ. Cụ thể, các bị cáo đã xâm phạm đến sức khỏe của bị hại N, trong khi sự việc xảy ra không có mâu thuẫn lớn, có thể hòa giải được nhưng vì bản tính hung hăng, thích hành xử với người khác bằng bạo lực nên dẫn đến vi phạm pháp luật.

[8] Hành vi của các bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự ở địa phương là nguy hiểm cho xã hội, thể hiện sự bất chấp, xem thường pháp luật, nên phải xử phạt tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, thể hiện tính nghiêm minh của pháp luật. Xét tính chất, mức độ, ý thức và hậu quả của tội phạm, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có điều kiện răn đe, giáo dục giúp các bị cáo trở thành người tốt có ích cho xã hội và phòng ngừa chung cho những ai có tư tưởng thích dùng bạo lực tương tự.

[9] Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[10] Về nhân thân, tiền án, tiền sự: Các bị cáo đều có 01 tiền sự.

[11] Cả 02 bị cáo có chung các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Thành khẩn khai báo, tại phiên tòa các bị cáo xin lỗi bị hại thể hiện ăn năn hối cải; nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; trình độ học vấn của các bị cáo thấp nên hiểu biết pháp luật có phần hạn chế; bị cáo T có ông bà nội có công với cách mạng và bị cáo thuộc hộ cận nghèo, nên Hội đồng xét xử xem xét là tình tiết giảm nhẹ khác theo quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Căn cứ vào các tình tiết vừa nêu để giảm nhẹ cho các bị cáo khi quyết định hình phạt, thể hiện tính nhân đạo của pháp luật xã hội chủ nghĩa.

[12] Về trách nhiệm dân sự: Đã thỏa thuận, T và H1 liên đới bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho anh N tổng số tiền 2.370.000 đồng. Trong đó, bị cáo T thống nhất chịu toàn bộ. Sự thỏa thuận là phù hợp nên công nhận như đề nghị của Kiểm sát viên.

[13] Về xử lý vật chứng: Kiểm sát viên đề nghị phù hợp nên chấp nhận.

[14] Các vấn đề khác Viện kiểm sát không đề cập là phù hợp nên không xem xét.

[15] Về án phí: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Trước khi mở phiên tòa, bị hại, bị cáo thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Bị cáo T có đề nghị cho miễn án phí do hộ cận nghèo là phù hợp nên cho miễn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Văn Hữu T phạm "Tội cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Hữu T 07 (bảy) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

2. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134, Điều 17, các điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Mai Văn Hữu H1 phạm "Tội cố ý gây thương tích".

Xử phạt bị cáo Mai Văn Hữu H1 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 590 Bộ luật Dân sự, công nhận sự thỏa thuận của các bị cáo với bị hại, cụ thể như sau:

3.1. Các bị cáo Nguyễn Văn Hữu T và Mai Văn Hữu H1 có nghĩa vụ liên đới trách nhiệm bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do sức khỏe bị xâm phạm cho bị hại Ngô Phước N tổng số tiền 2.370.000 đồng (Hai triệu ba trăm bảy mươi nghìn đồng). Trong đó, phần của bị cáo T tự nguyện chịu toàn bộ.

3.2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng, căn cứ vào điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy 01 (một) cái nạn thun bằng kim loại trên thân có quấn dây màu xanh và đỏ; 01 (một) viên bi bằng kim loại; 02 (hai) con dao cán vàng bằng kim loại; 01 (một) cây gậy ba khúc bằng kim loại có ốp nhựa màu đen. Vật chứng

do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp đang quản lý theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 06 tháng 10 năm 2021.

5. Về án phí, căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15, các điểm a và f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo Mai Văn Hữu H1 chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn Hữu T được miễn nộp án phí.

6. Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các bị cáo, bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 20 tháng 01 năm 2022).

7. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

8. Phần quyết định bồi thường thiệt hại về sức khỏe được thi hành ngay, mặc dù có thể bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo;
- Viện kiểm sát, Cơ quan điều tra cùng cấp;
- Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp;
- Cơ quan thi hành án hình sự có thẩm quyền;
- Nơi đang giam giữ bị cáo (nếu có);
- Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án, Văn phòng lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Nông Phú